

Chàng Khờ Xóm Mang Cá

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Sáng nay vợ chồng Xuân Liên đến khách sạn Hương Giang rủ chúng tôi đi ăn sáng và cho mượn áo ấm. Từ Sài Gòn ra, chúng tôi chủ quan không mang theo áo quần đủ ấm, tưởng dân North Dakota miền bắc Hoa kỳ với nhiệt độ mùa đông xuống tới -25 độ C như mình thì Huế nhằm nhò gì. Ai dè, từ chiều hôm trước đến Huế, chúng tôi đã cảm thấy cái lạnh thấu Giêng xứ Huế thấm vào tận xương.

Xuân Liên là bạn hàng xóm cũ của tôi ở xóm Mang Cá, và Đỉnh chồng nàng là bạn học cũ ở Quốc Học. Khi Đỉnh đưa hai chiếc áo khoác dày, Xuân Liên dặn dò,

“*Anh Bé và chị Châu cứ giữ dùng cho đến khi về Sài Gòn và trước khi về Mỹ gửi lại cho tụi tui cũng được.*” Cô bạn cũ giữ thói quen gọi tôi bằng tên ở nhà thuở bé – *thằng Bé*.

“*Đêm qua tao gọi điện thoại hú thằng Lâu và thằng Thảo tới gặp mày. Tụi nó nói mày đi xa quê biệt xứ mấy chục năm, về đây không thể không đi ăn bún bò Mụ Rớt. Chớ không thì mất nửa đời người!*” Đỉnh nói về nơi sẽ đi ăn sáng; hai thằng kia là bạn cùng xóm với tôi và Xuân Liên thuở trước.

“*Nói rứa chớ tui biết anh Bé chưa khi mô được nếm mùi bún bò Mụ Rớt. Dạo nớ, tui với anh Bé nhỏ xíu, ai cho đi kéo ghế [đi ăn tiệm] mà mơ?*” Xuân Liên cười hì hì.

Ký ức của một thời niên thiếu chợt hiện về. Hồi xưa, tôi nghe người lớn nói nhiều về quán bún bò O Rớt. (Người đàn bà bán quán còn trẻ, chưa đủ *tra* [già] để gọi là “*Mụ*” [bà].) Cứ theo đường Chi Lăng dẫn về Gia Hội giữa hai hàng phố cũ có những căn nhà xưa nửa kiểu Tàu, nửa kiểu một căn hai chái, và trước khi rẽ qua đường Ngự Viên đi ngang Mả Ông Trạng sau lưng chùa Diệu Đế, sẽ thấy quán O Rớt là một căn nhà ở dãy phố bên phải.

Thời ấy, tôi, Xuân Liên, Lâu, và Thảo là bạn cùng xóm; bốn ngôi nhà xúm xít gần nhau. Cùng học đệ tứ (lớp 10), nhưng mỗi đứa một trường: Tôi học Hàm Nghi, Xuân Liên học Đồng Khánh, Lâu học Nguyễn Du là trường tư, và Thảo học lớp đệ tứ cuối cùng của Quốc Học trước khi trường chuyển qua toàn đệ nhị cấp. Trong bọn, tôi nhỏ tuổi nhất, ngu ngơ nhất, và chỉ biết ăn và học (nghĩa đen của chữ “*ăn học*”). Ngược lại, Lâu lớn tuổi nhất và làm dáng như người lớn. Nó để tóc dài chải ngược ra đằng sau, và hai bên tóc mai cũng chải tém ra sau, bắt chước tài tử James Dean trong phim xi-nê Mỹ. Nó “*đô con*” lại siêng năng tập tạ nên thân hình nở nang như lực sĩ thể dục thẩm mỹ, trong lúc Thảo cao lớn, da trắng, và tính nết hiền lành nhu mì như con gái.

Lâu học không giỏi, nhưng có hoa tay vẽ hình rất đẹp. Học vắn vật, nó vẽ hình não bộ (phức tạp và khó vẽ nhất) đẹp như trong sách *Vạn vật Đệ tứ* của Nguyễn Cửu Triệp. Thầy Triệp dạy tôi ở Hàm Nghi, và sách của thầy được dùng khắp các trường ở Huế. Ngoài ra, Lâu cầm đầu bọn lâu la (con trai) trong mục phá làng phá xóm. Thí dụ như thức đêm học thi thì rủ nhau đi hái trộm trái cây trong vườn hàng xóm, và rằm mồng một thì rình rập *đỡ nhẹ* (ăn cắp lẹ làng) mấy món gà xôi chuối gia chủ bày cúng ngoài trời. Dân Huế là *tổ sư* về môn cúng kiếng nên cả bọn thường “*làm ăn*” khấm khá. Chỉ việc co giò chạy thật lẹ và hôm sau bắt cả xóm nghe khổ chủ *ca*

bài chữ mất đồ cúng. Cả Lâu lẫn Thảo đều *mết con Ngoác* (tên ở nhà của Xuân Liên). Có lẽ vì vậy Lâu luôn luôn tìm cách bắt nạt và chế nhạo Thảo, khiến thằng bạn hiền lành trở nên nhát nhúa.

Gia đình Thảo theo lối cổ, con gọi cha bằng “chú” và mẹ bằng “mạ.” Những lần đám bạn tụ họp dưới mấy tàn cây mít ướt trước nhà tôi, Lâu bày trò diễn kịch. Nó đóng vai khách đến nhà Thảo, “Có ba ở nhà không con?” Và nhái giọng Thảo, “Thưa bác, *chú* con đang ngủ với *mạ* con.” Rồi làm bộ ngạc nhiên la lớn, “*Răng* lạ *rứa*? *Chú* phải ngủ với *mự* [thím], *mạ* ngủ với ba *chớ*. Nhà *mi* là đồ loạn luân!”

Chú mạ Thảo làm chủ tiệm *chụp bóng* (chụp hình) trên đường từ bờ sông Đào vào cửa Mang Cá. Ban đầu tiệm mang tên “Thanh Tâm,” dùng tên hai ông bà ghép lại. Về sau làm ăn lỗ lã, ông bà đi xem bói, thầy nói vì tên tiệm vừa đẹp dễ (bị quỷ thần quở trách) vừa có nghĩa “lòng xanh” (ngụ ý sự dối lòng) nên gia chủ *mạt* đi, ăn không nên làm không ra. Sau khi bàn bạc và cúng vái (xin keo bằng hai đồng tiền sấp ngửa), ông bà quyết định đổi tên tiệm thành “Thạnh Tâm.” Với tên mới, người ta vẫn đoán được chủ nhân là ai. Nhưng quan trọng hơn là không tốn kém: chỉ cần thêm dấu mà không phải sơn lại bảng hiệu, in lại hóa đơn có tiêu đề, hay xin đổi tên trong môn bài hành nghề.

Trong “đại hội vườn mít,” Thảo thật thà kể cho bạn nghe cách giải quyết tuyệt khéo của *chú mạ*. Lâu ôm bụng cười bò lê bò càng, “*Chú mạ mi* hết thời tới nơi! *Học* [bắt chước] ai mà thêm dấu nặng với dấu huyền?” Thảo thất sắc gạn hỏi, Lâu cười to, “Bộ không biết hai *cấy* [cái] *nớ* của *liền ông* và *liền bà* – xê [c] nặng, en-lờ [l] huyền – hay *răng*? *Rủi thấy tổ* [xui tận mạng] em ơi!” Thảo về nhà mách lại, *chú mạ* nó tin thiệt, qua nhà Lâu cảm ơn lời mách bảo, và hạ bảng hiệu đổi tên tiệm.

Năm đệ tứ qua nhanh. Sau ngày bãi trường, Lâu sang nhà tôi báo tin,

“*Tau* đăng lính, mai đi trình diện nhập ngũ. Từ đây sống đời lang bạt kỳ hồ!”

“*Chi lạ rứa*? Còn không tới một tháng thi Trung học [Đệ nhất cấp] rồi; *răng mi* không đợi thi xong rồi đi?” tôi ngạc nhiên.

“*Sách vở ích gì cho buổi ấy*? ‘Người ấy’ đã cự tuyệt tình *tau*!” nó cười gượng.

“Bề ngoài *gon* như *mi*, và bản lĩnh cao như *mi*, *cua* con *mô* mà không *dính*?”

“Tình *xe la mua* [c'est l'amour], đời *xe la vi* [c'est la vie]. Biết *mô* mà lường!” nó bỏ đi, miệng huýt sáo theo điệu nhạc trong phim *Sayonara*.

Tôi đoán “người ấy” là Xuân Liên vì sáng sớm không còn nghe tiếng nàng học bài. Học sinh Huế có thói quen dậy sớm học bài “cho mau thuộc,” và trước đó cứ khoảng bốn giờ sáng bà con từ đầu xóm đến cuối thôn ai nấy đều nghe tiếng học bài rồn rảng của nàng.

* * *

Đến tiệm bún bò Huế bên Gia Hội, Quỳnh Châu thắc mắc,

“Quán bún bò *Mự Rớt*, sao không thấy tên, và bảng hiệu chỉ đề đơn giản ‘Bún Bò Huế’?”

“Bún bò *Mụ Rớt* hồi đó không có bằng hiệu. Huế làm ăn theo lối *hữu xạ tự nhiên hương*; khách chỉ nghe tiếng tìm tới,” Đĩnh hãnh diện trả lời, “Con gái *Mụ Rớt* hiện làm chủ quán này và vẫn giữ đầy đủ mùi vị hương sắc của bún bò bà mẹ.”

“*Tê tê* [kia kia] anh Lâu và anh Thảo tới trước lấy bàn đợi mình,” Xuân Liên quay lại dặn tôi, “*Tội* hai anh *nớ* lắm, nghèo mà có lòng. Đêm qua, dặn lui dặn tới là họ sẽ chung nhau đãi vợ chồng *anh Bé*. Chút nữa, *anh Bé* không được giành trả tiền mà họ buồn *nghen*.”

“Chuyện *chi* chớ ‘vác mỏ đi ăn *chùa*’ là nghề của chàng mà! *O Ngoác* khỏi *lo* *bò trắng* *răng*,” tôi cười khà khà.

Hai người bạn cũ gầy ốm, mặt mày hốc hác, tóc ngả màu muối tiêu, trịnh trọng đứng dậy chào tôi và Quỳnh Châu. Xuân Liên đã cho biết cả hai đều độc thân, làm việc qua quýt chỉ đủ sống qua ngày, và sống trong nhà cũ của cha mẹ khi xưa. Tôi bắt tay Lâu và Thảo và cười lớn,

“Hơn bốn chục năm đi qua, tao vẫn là *thằng Bé*,” và chỉ sang Xuân Liên, “*Hắn* là *con Ngoác*, mày là *thằng Lâu* *bợ* nải chuối cứng, còn mày là *thằng Thảo* nhất như thỏ đế. Có gì khác đâu?”

Lâu và Thảo cười rạn vỡ. Chúng tôi làm quen lại rất nhanh, và chẳng bao lâu *mi mi tau tau* tự nhiên như thời xóm Mang Cá. Sau hơn bốn thập niên, chúng tôi có quá nhiều chuyện để kể cho nhau nghe. Tôi vừa nghe vừa nói vừa cười, chìm trong thương ghét vui buồn lẫn lộn, và gần như quên thưởng thức bún bò *Mụ Rớt* lừng danh đất Thần kinh.

Lần cuối cùng gặp tôi, Lâu từ giả để đăng lính. Nó tình nguyện đi khóa hạ sĩ quan, ra trường mang lon trung sĩ. Sau vài năm cần mẫn phục vụ, nó được đặc cách gửi đi học khóa sĩ quan đặc biệt ở trường Hạ sĩ quan Đồng Đế gần Nha Trang. Ra trường đổi về Tiểu khu Thừa Thiên, Huế, nó làm việc như công chức – ngày đi làm, tối về nhà ngủ. Tết Mậu Thân (1968) Việt Cộng (“VC”) tấn công vào thành phố, đột nhập vào nhà dân chúng, và đến nhà Lâu bắt nó dẫn đi. Chúng giả nhân giả nghĩa nói với ba *mẹ* Lâu,

“Chúng tôi đưa anh đi học tập một thời gian ngắn rồi sẽ cho trở về.”

“Một thời gian ngắn” của VC nghĩa là không bao giờ đến. Chúng giam Lâu cùng với nhiều người khác ở mật khu trong rừng núi tỉnh Thừa Thiên. Tiếp theo, nó bị áp giải ra Bắc theo đường mòn Hồ Chí Minh và vài lần xuyết chết khi oanh tạc cơ B-52 của Không quân Hoa kỳ tập kích. Khi di chuyển, nó và các bạn tù đi chân đất, mang đồ dùng cá nhân trên vai, và bị trói tay ra phía trước. VC cột tù nhân liền với nhau và áp giải họ đi thành hàng một. Nếu một người trượt chân té, cả bọn ngã nhào theo. Đêm nằm ngủ, họ bị cùm chân vì VC sợ họ tìm cách chạy trốn.

Ra Bắc, Lâu bị giam ở trại Thanh Liệt ở Hà Đông rồi chuyển qua các trại khác ở Nam Hà và Thanh Hóa. Trại giam nào cũng giống nhau, nó luôn luôn chịu đói khát và bị cai ngục hành hạ. Sau khi Hiệp định Paris 1973 được ký kết, nó ở trong danh sách trao đổi tù binh và trở về Huế sau hơn năm năm tù đầy. Người không ra người, ngòm không ra ngòm, nhưng được chính phủ Việt nam Cộng hòa (“VNCH”) và những người thân chào đón săn sóc và giúp đỡ tận tình.

Số phận đưa đẩy Thảo vào một quãng đời đắng cay, nhưng phần lớn do nó tự chuốc vào thân. Lúc đầu, chàng sinh viên trường Đại học Văn khoa Huế thất tình nặng – còn ai vào đó, nếu

không phải là Xuân Liên, khi nàng trao trái tim cho Đĩnh? (Về sau, Đĩnh vào Sài gòn học Đại học Sư phạm và gặp lại tôi tại Đại học xá Minh Mạng.) Thảo buồn tình biếng học, thi rớt, và đợi lệnh gọi nhập ngũ. Cuộc tấn công Tết Mậu Thân là cơ hội để nó thoát khỏi lệnh động viên VNCH: Khi VC rút lui ra khỏi Huế, nó theo chúng *vô bưng*.

Buông dừa đặt xuống bàn, Thảo hối tiếc, mắt buồn rười rượi,

“Năm 1975, *tau* thân tàn ma dại từ trên *rú* [rừng] về Huế. Bảy năm đói khát, bệnh hoạn, thiếu thốn mọi thứ cần thiết trong đời sống, và đêm ngày trốn chui trốn nhủi sợ bị quân Quốc gia càn quét và B-52 dội bom. Trong suốt thời gian *nớ*, *tau* không được giao công tác gì đáng kể, mặc dù vài tháng đầu được tung hô là ‘phần tử giác ngộ’ và ‘thành phần yêu nước’ chống ‘Mỹ Ngụy,’ và dùng làm vật liệu tuyên truyền.”

“Họ vốn ký thành phần ‘trí thức tiểu tư sản,’” tôi gật gù góp ý.

“Khốn nạn nhất là khi *tau* trở về, bà con bạn bè ai cũng khinh khi, coi như con chó, làm *tau* xấu hổ thiếu điều *đeo mo vô mặt*. May có thằng Lâu để nương tựa.”

Chuyện đời khổ đau của hai thằng bạn cũ khiến tôi lặng đi, không dám nhìn thẳng vào mặt bạn. Nhưng ít ra cả hai đứa đều sống sót, không vui thây ngoài Bắc hay trong rừng núi miền Trung. Ăn xong, chúng tôi chia tay và hẹn giữ liên lạc đến cuối đời.

Về khách sạn, chỉ còn hai vợ chồng, Quỳnh Châu cười hì hì gí tay vào mũi tôi,

“Hôm nay, em biết thêm *ông dôông* xưa còn có tên khác: *Chàng Khờ xóm Mang Cá!*”

“Ai nói với *mụ vợ* dễ thương vậy?” tôi không tin.

“Chị Liên chứ ai! Lúc nãy ở tiệm bún bò, như chồng dặn, em kéo *chỉ* qua một bên nói chuyện riêng. Để nhờ *chỉ* đưa cho anh Lâu và anh Thảo hai phong bì đựng tiền mình đã chuẩn bị sẵn, và dặn đợi mình đi khỏi Huế rồi mới giao để hai *ảnh* không thể từ chối. Và *chỉ* ‘bật mí’ với em một bí mật mà mấy mươi năm nay chưa hé môi nói với ai,” nàng cười tủm tỉm.

“*Con Ngoác* nói gì với em?” tôi cũng muốn biết.

“*Chỉ* nói nếu ngày trước chồng bớt ‘khờ’ một chút, có lẽ *chỉ* sẽ không làm vợ anh Đĩnh.”

Tôi bật cười lớn, nhưng trong lòng chột se lại. Ngày xưa, tôi vô tình – có biết tình yêu trai gái là gì đâu. Quả thật là Chàng Khờ.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 14 tháng Giêng, 2026